

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 669/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

b) Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm

theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

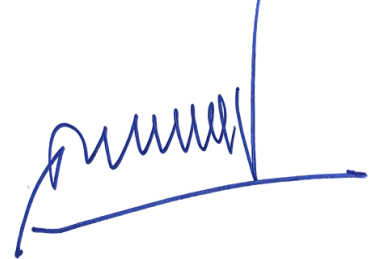
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh truyền hình HP;
- Lưu: VT, NVKTGS, P.T.Nguyệt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Trọng Đức

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- a) Quy chế này quy định tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- b) Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (cấp xã);
- b) Thôn, tổ dân phố; cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn được tổ chức tại xã; tổ dân phố được tổ chức tại phường. Việc tổ chức thôn, tổ dân phố ở đặc khu do Hội đồng nhân dân đặc khu (đối với đặc khu Cát Hải) và Ủy ban nhân dân đặc khu (đối với đặc khu Bạch Long Vĩ) quyết định phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn của từng đặc khu.

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi thôn, tổ dân phố có các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với từng chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử

dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

h) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban Công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức có liên quan xây dựng, thực hiện quy chế phối hợp theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hội nghị cộng đồng dân cư

1. Việc tổ chức Hội nghị cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Khuyến khích việc thông báo, lấy ý kiến Nhân dân bằng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 8. Nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố được sử dụng nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng hợp pháp khác làm nơi sinh hoạt, hội họp của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp từ cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động

của thôn, tổ dân phố theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Khuyến khích các thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố:

1. Sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp để thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân.
2. Số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.
3. Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, nền tảng số và các ứng dụng phục vụ quản lý cộng đồng dân cư.
4. Thực hiện lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức điện tử khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật và bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Nguyên tắc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự phối hợp của Ban công tác Mặt trận và sự quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.
3. Đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia các cuộc họp cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.
4. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện thống nhất ngay sau Đại hội Chi bộ thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được xem xét cho thôi làm nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Việc tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, trình tự, thủ tục, hồ sơ và thẩm quyền quyết định cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Khi khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc trong trường hợp thành lập mới, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố mà chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Người được chỉ định lâm thời có trách nhiệm điều hành các hoạt động thường xuyên của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện thống nhất theo nhiệm kỳ của Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố.

Chương IV

THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN

ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 15. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư. Chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

5. Việc giải thể thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, tái định cư.

6. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

7. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương, không trùng tên với thôn, tổ dân phố khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

8. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

Điều 16. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Đối với các trường hợp đặc thù quy định tại Điều 17 Quy chế này thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc thù

1. Thôn, tổ dân phố được xem xét là trường hợp đặc thù khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thôn, tổ dân phố thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo; thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp; giao thông đi lại khó khăn; dân cư sinh sống phân tán; việc kết nối với thôn, tổ dân phố liền kề không thuận lợi do điều kiện tự nhiên hoặc điều kiện hạ tầng;

c) Thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Các trường hợp đặc thù khác phát sinh từ yêu cầu quản lý địa bàn, điều kiện thực tế của địa phương, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư như yếu tố về tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề án và hồ sơ chứng minh.

2. Thôn, tổ dân phố thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét duy trì tổ chức hiện có mặc dù chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định tại Điều 16 Quy chế này khi bảo đảm các điều kiện sau:

a) Việc sắp xếp, tổ chức lại không phù hợp với điều kiện thực tế hoặc ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý địa bàn, đời sống sinh hoạt của Nhân dân;

b) Bảo đảm tính ổn định, gắn kết cộng đồng dân cư; phù hợp với lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương;

c) Bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia;

d) Được cộng đồng dân cư thống nhất thông qua theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Việc xem xét, quyết định đối với thôn, tổ dân phố thuộc trường hợp đặc thù phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; không làm phát sinh việc chia tách hoặc duy trì tổ chức thôn, tổ dân phố không cần thiết.

Điều 18. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ quy định của pháp luật và Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến cộng đồng dân cư và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Căn cứ kết quả lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư, trong đó thể hiện rõ số lượng cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến; số lượng, tỷ lệ ý kiến đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác; nội dung tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến tham gia.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

5. Tại đặc khu Bạch Long Vĩ, Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức xây dựng Đề án, lấy ý kiến Nhân dân và quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo trình tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Hồ sơ gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân đặc khu.

Trên cơ sở hồ sơ được hoàn thiện, Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Quyết định về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 19. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố, kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; trong đó xác định rõ lý do giải thể; phạm vi, số hộ gia đình bị ảnh hưởng; phương án sắp xếp cộng đồng dân cư; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện và các điều kiện bảo đảm ổn định đời sống cộng đồng dân cư sau giải thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do đổi tên và tên gọi của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có:

a) Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết, phạm vi cụm dân cư được ghép, số hộ gia đình, thôn, tổ dân phố tiếp nhận và các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động sau khi ghép;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại cụm dân cư được ghép vào thôn, tổ dân phố tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

d) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

đ) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo thẩm quyền.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có phải được công khai để Nhân dân biết và tổ chức thực hiện theo quy định.

5. Tại đặc khu Bạch Long Vĩ, Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện trình tự xây dựng hồ sơ, lấy ý kiến Nhân dân đối với việc giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố, ghép cụm dân cư theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này. Trên cơ sở hồ sơ được hoàn thiện, Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét, ban hành Quyết định về việc giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trên địa bàn.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Hướng dẫn việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.
3. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.
2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn.
2. Tổ chức thực hiện việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ; thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nhiệm vụ có liên quan khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ

dân phố hoặc khi có sự thay đổi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

5. Bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư và việc thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

Điều 24. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Quy chế; tham gia giám sát việc thực hiện Quy chế theo quy định của pháp luật; phối hợp tạo sự đồng thuận trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các thôn, tổ dân phố được thành lập, sắp xếp, tổ chức lại trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy chế này, nếu đáp ứng các tiêu chí đặc thù theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Quy chế này thì không phải thực hiện trình tự sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định của Điều 18 Quy chế này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.